TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ – ST
Ngay 06 – 3 – 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Đặng Hữu Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 725/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST – HNGĐ ngày 14/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số x/y, khóm T, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số x, khóm T, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Bùi Thị Ngọc D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn H tự tìm hiểu nhau khoảng một năm thì tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MH ngày 14/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng không phù hợp tính tình, ông H ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Bà D nhiều lần khuyên để ông H thay đổi nhưng không thành. Bà và ông H đã ly thân từ năm 2017 đến nay, do hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Kim N sinh ngày 20/9/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trần Văn H vắng mặt lần thứ hai không lý do, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do hôn nhân giữa các bên không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu nhưng đôi bên vẫn không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D. Về con chung, thời gian qua bà D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để cháu N có cuộc sống ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của bà D là không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Do ông H không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Bùi Thị Ngọc D và ông Trần Văn H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, ông Trần Văn H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số x, khóm T, phường MH, thành phố LX. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa cho ông H theo quy định tại các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không lý do. Bà D có đơn đề ngày 03/3/2020 về việc đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc D và ông Trần Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 242/2011, quyển số 01/2011 ngày 14/10/2011 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà D trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông H ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Bà D nhiều lần nhắc nhở để chồng thay đổi nhưng không thành. Bà và ông H ly thân từ năm 2017 đến nay. Phía ông H đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và mặc dù vẫn còn cư ngụ ở địa phương nhưng ông H không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà Dân, không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo thêm thời gian, động viên bà D để vợ chồng bà có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà D dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà D và ông H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Dân được ly hôn ông H.

[6] Về con chung: Bà D trình bày, bà và ông H có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 20/9/2011. Lời khai của bà D phù hợp với bản sao trích lục khai sinh số 578/2011 ngày 07/11/2011 của Ủy ban nhân phường MH cấp. Xét thấy, thời gian qua cháu N được bà Dtrực tiếp nuôi dưỡng và cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Để ổn định đời sống cho cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dân không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông H về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] ***Về án phí*:** Bà D phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà D đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005820 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc D được ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Bà D và ông H có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 20/9/2011. Bà D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà D cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho ông H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

***Về án phí*:** Bà D phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà D đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005820 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà D và ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND p. Mỹ Hòa;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh